

XÉT QUAN HỆ CÚ PHÁP TRONG MỘT LOẠI CÂU ĐƠN TIẾNG NGA CÓ KẾT CẤU: TRẠNG TỪ THỜI GIAN + ĐOẠN TRẠNG ĐỘNG TỪ + CHỦ NGỮ (C) + VỊ NGỮ (V)

TÔN THẮT HẠP

Đại học KHXH và Nhân văn - ĐHQGHN

Trong cấu trúc câu đơn tiếng Nga thuộc phong cách văn học miêu tả, tự sự và phong cách chính luận thường gặp một dạng câu như sau:

Trạng ngữ thời gian + đoạn trạng động từ + C - V

Ví dụ:

Утром 24^{ого} декабря, подводя к станции, корнус с ходу атаковал её, с разных сторон (Г. К. Жуков. Воспоминания и размышления)

(Sáng 14 tháng chạp, khi quân đoàn tiến đến gần nhà ga thì vừa tiến vừa tấn công nótừ nhiều phía).

Только теперь, быстро шагая вслед с солдатами, Озёров посмотрел вдаль. (М. Бубеннов. Белая берёза)

(Chỉ đến bây giờ, trong khi bước nhanh theo những người lính Ôzôrov mới nhìn về phía xa).

Để xét kết cấu trên trước hết chúng tôi phải khẳng định rằng trạng ngữ chỉ thời gian được quan tâm trên là một thành phần độc lập ở cấp độ câu (детерминантное обстоятельство) (chứ không phải ở cấp độ cụm từ) liên hệ với tất cả phần còn lại của câu. Đặc điểm của thành phần này là thường xuyên đứng đầu câu và làm nền cho sự kiện trong câu diễn ra. Vấn đề thành phần trạng ngữ độc lập ở cấp độ câu được nhiều nhà ngữ pháp Nga lưu ý và đã được giải quyết rõ ràng ở Ngữ pháp Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô 1970 do H. Ю. Шведова chủ biên [1].

Trong bài báo này chúng tôi đặt vấn đề xét mối quan hệ qua lại giữa trạng ngữ thời gian với đoạn trạng động từ và giữa đoạn trạng động từ với khối C - V, để từ đó thấy được cái nội dung ngữ nghĩa của loại kết cấu trên.

Nhìn chung các nhà ngữ pháp công nhận rằng trạng động từ (hoặc đoạn trạng động từ) dùng để biểu hiện một hành động phụ trợ cho hành động của động từ vị ngữ có cùng chủ ngữ. Vậy thì về bản chất, khi được hình thành trong câu, đoạn trạng động từ có xu hướng bị hút về phía động từ vị ngữ và cùng với động từ vị ngữ liên hệ với chủ ngữ [2].

Ví dụ:

Мать, стараясь не шуметь посудой, наливала чай и вслушивалась в плавную речь девушки (М. Горький. Мать)

(Bà mẹ rót nước chè cốc không để cốc tác va chạm vào nhau và lắng nghe cái giọng nói đều đều của cô gái).

Выпив чашку чая, Наташа шумно вдохнула, забросила косу за плечо и начала читать книгу. (М. Горький. Мать)

(Sau khi uống một tách chè Natasa thở dài rõ to, hất bím tóc ra sau vai và bắt đầu đọc).

Có thể hình dung các mối quan hệ cú pháp của các thành phần này như sau:

Đoạn trạng động từ + C + V

Tuy nhiên khi đoạn trạng động từ được đặt ngay sau một trạng ngữ độc lập chỉ thời gian đứng đầu câu, thì nó lại bị hút và phía thành phần này và cùng với thành phần này liên hệ với khối C-V theo sơ đồ sau:

[Trạng ngữ thời gian + đoạn trạng động từ] → C - V

Ví dụ:

Раньше, | бывая в правлении колхоза, он всегда с нетерпением ожидал телефонного звонка. (М. Бубеннов. Белая берёза)

(Trước đây, mỗi khi đến ban quản trị nông trang anh ấy luôn luôn nóng chờ đợi tiếng chuông điện thoại réo).

Nguyên nhân gì đã tạo nên sự thay đổi các quan hệ cú pháp trong nội bộ kết cấu loại câu này.

1. Trước hết, để có thể hấp dẫn về phía trạng ngữ độc lập chỉ thời gian, đoạn trạng động từ ít nhất phải có ý nghĩa thời gian. Thế nhưng ngữ pháp Nga không coi bản thân trạng động từ có phạm trù thời gian [3]. Trạng động từ (hay đoạn trạng động từ) nếu tiếp thu được ý nghĩa thời gian từ bên ngoài cũng chỉ là thời gian tương đối và chỉ thông qua mối tương quan giữa ý nghĩa thế của nó với ý nghĩa thời gian của động từ vị ngữ trong câu: Những trạng động từ không hoàn thành thể biểu thị hành động thường xảy ra cùng một lúc với hành động chính, còn trạng động từ hoàn thành thì biểu thị hành động phụ xảy ra trước hành động chính [4]. Cũng cần nói thêm rằng mối quan hệ thời gian tương đối này nếu có thể thấy được còn là nhờ vị trí của đoạn trạng động từ so với động từ vị ngữ [5]. Thông thường khi đoạn trạng động từ biểu hiện hành động phụ xảy ra trước hành động chính thì nó đứng trước động từ vị ngữ, còn khi biểu hiện hai hành động chính và phụ cùng xảy ra đồng thời thì đoạn trạng động từ có thể đứng trước hoặc đứng sau động từ vị ngữ.

Vậy là ý nghĩa thời gian trong đoạn trạng động từ chỉ là ý nghĩa thời gian tương đối giữa hai hành động. Nó không thể định hình theo nấc thang thời gian thực tế. Do vậy để biểu hiện thời gian diễn ra các hành động, đoạn trạng động từ phải hướng về ngữ cảnh do trạng ngữ thời gian thể hiện.

2. Về mặt ngữ nghĩa quan hệ giữa trạng ngữ thời gian và đoạn trạng động từ là một quan hệ giải thích chính xác hóa, trong đó trạng ngữ thời gian là yếu tố được giải thích, còn đoạn trạng động từ là yếu tố giải thích. Điều kiện nảy sinh mối quan hệ giải thích hoặc chính xác hóa giữa hai thành phần câu đứng cạnh nhau, theo các nhà ngữ pháp, là cả hai cùng biểu hiện một khái niệm, tuy nhiên yếu tố đầu biểu hiện khái niệm rộng hơn, khái quát hơn, còn yếu tố sau biểu hiện khái niệm hẹp hơn, cụ thể hơn [6].

Ví dụ:

Вечером, | перед отъездом тётя Надя пела в низком зале
(Buổi chiều, trước khi ra đi, cô Nadia đã hát trong phòng thấp lè tè).

После ужина, | почистив оружие и приготовив боеприпасы, все солдаты принялись
писать письма и дневники. (Bелая берёза)

(Ăn chiều xong, sau khi lau chùi vũ khí và chuẩn bị đạn dược, tất cả bộ đội bắt tay viết thư và ghi nhật ký).

Trạng ngữ chỉ thời gian thường được biểu hiện bằng trạng từ thời gian hoặc dạng thức cách có giới từ hoặc không giới từ và khi được biểu hiện bằng dạng thức cách nó có tính cụ thể rất cao. Tuy nhiên dù có tính cụ thể rất cao trạng ngữ thời gian dạng thức cách vẫn luôn biểu hiện khái niệm chung hơn, rộng hơn so với cái được biểu hiện trong đoạn trạng động từ vốn dĩ có tính bán vị ngữ, tức là có tính thông báo cho phép nó mô tả sự việc tỉ mỉ hơn, tinh tế hơn. Và vì vậy khi đứng trước đoạn trạng động từ, trạng ngữ thời gian thu hút nghĩa của đoạn trạng động từ về phía mình nhằm giải thích cho mình. Đồng thời hai thành phần này, tạo thành nhóm trạng ngữ độc lập có quan hệ cú pháp giải thích và chính xác hóa.

3. Lực hút của trạng ngữ chỉ thời gian đối với nghĩa của đoạn trạng động từ càng mạnh, càng thấy rõ hơn khi trạng ngữ chỉ thời gian là những trạng từ không xác định kiểu: тогда, теперь, вдруг, сразу, в.в... cùng đi với những liên từ nhấn mạnh đứng trước chúng như: и, а, но, в.в... hoặc với các tiểu từ nhấn mạnh: только, вот, же.

Ví dụ:

И вдруг, | как бы опомнившись, Доля выскочила на улицу. (Ф. Певнев. Сухая осень)
(Và bỗng nhiên tự như sức tỉnh Đô-ля lao ra đường).

И только теперь | сделав около сотни шагов за Андреем, Олейник вспомнил о
побеге. (М. Бубеннов. Белая берёза)

(Và chỉ bây giờ, khi đi theo Andrây được vài trăm bước Ô-lây-nhik mới sực nhớ lại vụ bỏ chạy).

Trong những trường hợp này trọng tâm thông báo dường như tập trung vào thời điểm do trạng ngữ thời gian biểu hiện. Tuy nhiên thời điểm này chưa đủ xác định, nó cần được nghĩa của đoạn trạng động từ làm rõ thêm.

4. Điều thú vị là khi thu hút đoạn trạng động từ về phía mình, trạng ngữ chỉ thời gian đồng thời cũng thay đổi ngữ nghĩa rõ rệt tùy theo loại đoạn trạng động từ và tùy theo ý nghĩa từ vựng của chính trạng động từ.

Nếu như thành phần giải thích là đoạn trạng động từ hoàn thành thể nêu hành động tích cực thì trạng ngữ thời gian đứng trước nó được coi như một thời điểm.

Ví dụ:

И теперь, | увидев самолёты, он не подумал о смерти. (М. Бубеннов. Белая берёза)
(Và bây giờ, khi thấy những chiếc máy bay, anh không còn nghĩ đến cái chết nữa).

Nếu như đó là đoạn trạng động từ hoàn thành thể chỉ trạng thái sự việc, thì trạng ngữ chỉ thời gian sẽ được tiếp nhận như một khoảng thời gian.

Ví dụ:

Теперь, | примостясь на краю сиденья, он мог дотянуться до педалей
(Và bây giờ, khi ngồi trên mép ghế nó với chân được tới bàn đạp).

Còn nếu được đoạn trạng động từ không hoàn thành thể giải thích thì trạng ngữ thời gian sẽ có những sắc thái nội dung khác nhau, bởi vì trạng động từ không hoàn thành thể có thể chỉ hành động lặp đi lặp lại, hoặc chỉ quá trình, hoặc chỉ hành động diễn ra một cách thông thường hiển nhiên.

Ví dụ:

Только теперь, | быстро шагая вслед за солдатами, Озёров посмотрел вдаль
(Chỉ lúc bấy giờ khi bước nhanh theo những người lính, Ôzôrov mới nhìn về phía xa).

Trạng ngữ chỉ thời gian ở đây tiếp thu ý nghĩa khoảng thời gian

И сейчас, | здороваясь с Василием и Романом, он наступил на себя беззаботный вид,... (Ф. Певнев. Сухая осень)

(Và lúc ấy, khi chào Vaxili và Roman, anh ta làm ra vẻ vô tư).

Trạng ngữ chỉ thời gian ở câu này mang ý nghĩa thời điểm.

Có thể thấy rõ nếu như ví dụ trên không có những đoạn trạng động từ giải thích thì mọi trạng ngữ chỉ thời gian sẽ được hiểu như sau:

Ta thử thí điểm:

И теперь, ... , он не думая о смерти.

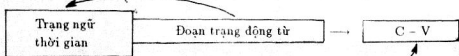
Теперь, ... , он мог дотянуться до педалей.

Только теперь, ... , Озёров посмотрел вдаль.

И сейчас, ... , он наступил на себя беззаботный вид.

Đến đây tôi xin nêu lên một số kết luận:

a) Trong câu đơn tiếng Nga có một kết cấu cú pháp phổ biến "Trạng ngữ thời gian + đoạn trạng động từ". Kết cấu này thường đứng đầu câu liên hệ với toàn phần còn lại của câu. Trong nội bộ của kết cấu trên mỗi quan hệ giải thích chính xác. Có thể biểu diễn mối quan hệ cú pháp của các thành phần trong loại câu trên theo sơ đồ sau:



Đây là một cấu trúc câu tương đối cố định trong tiếng Nga có thể mô hình hóa thuận tiện cho việc dạy tiếng Nga cho người Việt.

b) Thông thường đoạn trạng động từ có nhiều sắc thái ngữ nghĩa, nhưng khi đứng sau trạng ngữ thời gian do nảy sinh quan hệ giải thích chính xác thêm thành phần này, đoạn trạng động từ chỉ mang ý nghĩa thời gian.

c) Đứng trước đoạn trạng động từ có chức năng giải thích, đến lượt mình, trạng ngữ thời gian cũng biến đổi về mặt nội dung và vì vậy nghĩa của nó trở nên tinh tế chính xác hơn.

d) Loại câu theo kết cấu "Trạng ngữ thời gian + đoạn trạng động từ + C - V" là loại câu phổ biến trong phong cách miêu tả, tự sự văn học và chính luận. Sử dụng kết cấu ngữ pháp

"Trạng ngữ thời gian + đoạn trạng động từ" sẽ làm cho câu văn trở nên uyển chuyển, mềm mại, tạo hình ảnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Грамматика современного русского литературного языка. Москва, 1970, Тр. 625.
2. Л. А. Дерибас - Деепричастные конструкции в роли обстоятельства. Ж. РЯШ, 1957, No. 4, Тр. 42.
3. В. В. Виноградов - Русский язык. Москва, 1947, Тр. 308.
4. Э. И. Коротаяева - Из наблюдений над деепричастным оборотом. В сборнике: Проблемы истории и диалектологии славянских языков. Москва, 1971, Тр. 154.
5. В. М. Савина. О соотношениях деепричастного и глагольного действий в осложненных предложениях. Ж. РЯШ, 1974, № 5, Тр. 78.
6. Ю. Г. Усищева. Обстоятельства места и времени в функции уточняющих членов предложения в современном русском языке. К. Д. Москва, 1965.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, NAT. SCI., t. XI, n^o 4, 1995

SYNTACTIC RELATION IN A TYPE OF RUSSIAN SIMPLE SENTENCES WITH THE CONSTRUCTION: ADVERBIAL MODIFIER OF TIME + ADVERBIAL-PARTICIPAL PHRASE + S + P

TON THAT HAP

College of Social Sciences and Humanities - VNU

The article studies interaction between the adverbial modifier and adverbial-participial phrase as well as that between adverbial-participial phrase and complex S-P. Based on this interaction, the semantic content of the considered construction is highlighted. The following are conclusions from the research:

1) Grammatical Construction "Adverbial modifier of time + Adverbial Participial Phrase" is at the beginning of a sentence and relates with the rest of the sentence. It is proved that there is an explanative precisising relation within the construction. It is a relatively fixed sentence structure in Russian, which can be modeled to facilitate the teaching of Russian to Vietnamese.

2) The Adverbial Participial Phrase following the Adverbial Modifier of time obtains the meaning of time. On the other hand, the Adverbial Modifier of time precisised by the adverbial participial phrase will be changed in content, consequently it becomes semantically subtle and more accurate.

3) The sentences with the construction "Adverbial Modifier of time + Adverbial-Participial Phrase + S - P" is a popular syntactic type in literary descriptions, report and social-political style. Applying this construction certainly enhances harmony, liveness and images in a statement.